

R

ỦY BAN DÂN TỘC

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỀ TÀI :

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ
VÙNG MIỀN NÚI**

Cơ quan chủ trì: VIỆN DÂN TỘC

Cơ quan thực hiện:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG
(BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. ĐƯỜNG HỒNG DẬT

Phó chủ nhiệm đề tài: TS. NGUYỄN NGỌC KIỂM

HÀ NỘI, THÁNG 3 — NĂM 2004

4874
M16/04

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: 170QĐ-UBNDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC
về việc phê duyệt thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2003

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

- Căn cứ Nghị định 59/1998/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi;
- Căn cứ Văn bản số 72/BKH-CN - KH, ngày 14 tháng 1 năm 2003 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch khoa học công nghệ năm 2002;
- Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBNDT, ngày 28 tháng 1 năm 2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán Ngân sách nhà nước năm 2003;
- Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBNDT, ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học năm 2003;
- Căn cứ theo kết luận của Hội đồng thẩm định, xét duyệt thuyết minh đề tài họp ngày 12 tháng 5 năm 2003;
- Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Tổng hợp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2003 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đề tài: “**Một số giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng miền núi**”

2. Mục tiêu:

Trên cơ sở nghiên cứu, đề xuất bước đầu một số giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vùng dân tộc và miền núi.

3. Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nghiên cứu năm 2003 được giới hạn như sau:

- Về không gian: Nghiên cứu tầm nhìn tổng quan vùng miền núi phía Bắc; nghiên cứu sâu các huyện điển hình Thuận Châu (Sơn La), Bắc Hà (Lao Cai), Hoà An (Cao Bằng), Na Rì (Bắc Kạn).

- Về nội dung nghiên cứu: Trọng tâm là nghiên cứu vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn vùng miền núi phía Bắc.

4. Nội dung:

- Tổng quan hiện trạng tự nhiên, kinh tế- xã hội và trình độ phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng miền núi phía Bắc: Đặc điểm điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường; đặc điểm dân tộc và nguồn nhân lực; tổng quan trình độ phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng, văn hóa – xã hội, đời sống nhân dân.
- Xác định các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng miền núi phía Bắc: Đặc thù vùng miền núi phía Bắc, các mục tiêu và định hướng phát triển trong quy hoạch tổng thể phát triển đến 2010; các yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực; các yếu tố phát triển cơ sở hạ tầng; khoa học công nghệ; phát triển lực lượng sản xuất.
- Một số giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng miền núi phía Bắc: Chính sách đầu tư đặc thù; đào tạo phát triển nguồn nhân lực; khoa học công nghệ; nghiên cứu định hướng thị trường; nâng cao năng lực quản lý; các chương trình mục tiêu; các dự án ưu tiên.

5. Kinh phí: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Nguồn kinh phí chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học, trong kế hoạch nghiên cứu khoa học năm 2003 của Ủy ban Dân tộc.

6. Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Đường Hồng Dật

Nghiên cứu viên cao cấp Trung tâm Nghiên cứu và phát triển vùng, Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Sản phẩm đề tài

- Báo cáo kết quả thực hiện đề tài.
- Báo cáo tóm tắt.
- Phụ lục gồm tài liệu, số liệu, báo cáo chuyên đề nghiên cứu

Điều 2. Tổ chức quản lý thực hiện

- Giao cho Vụ Tổng hợp chủ trì thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí đề tài làm căn cứ cấp phát, quyết toán;

- Giao cho Viện Nghiên cứu Chính sách Dân tộc và Miền núi ký hợp đồng với Chủ nhiệm đề tài, quản lý thực hiện đề tài theo tiến độ và các chế độ quản lý tài chính hiện hành, chủ trì tổ chức quyết toán việc sử dụng kinh phí.

Điều 3. Các Ông Vụ trưởng Vụ Tổng hợp; Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chính sách Dân tộc và Miền núi, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, TH.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
ỦY BAN DÂN TỘC**



Ksor Phước

TÊN ĐỀ TÀI:

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ VÙNG MIỀN NÚI**

Thời gian thực hiện : Tháng 7 – tháng 12 năm 2003.

Cấp quản lý : Cấp Bộ.

Cơ quan chủ quản : Uỷ Ban Dân Tộc.

Cơ quan chủ trì: Viện Dân tộc.

Cơ quan thực hiện : Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng
Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chủ nhiệm đề tài :

GS.TS. Đường Hồng Dật – Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng.

(Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Vùng và GS.TS. Đường Hồng Dật đã thống nhất có văn bản đề nghị Viện Dân Tộc – Ủy ban Dân tộc về việc chuyển cho phó chủ nhiệm đề tài có tên dưới đây ký hợp đồng và chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện đề tài).

Phó chủ nhiệm đề tài:

TS. Nguyễn Ngọc Kiểm – Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng.

Thư ký đề tài :

CN. Phạm Đức Nghiệm - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng.

Những người phối hợp:

- KS. Phan Huy Chi – Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng.
- KS. Ma Trung Tỷ – Viện Dân tộc – Ủy ban Dân Tộc.
- CN. Phạm Đức Nghiệm, CN. Đỗ Trung Tuyển, CN. Nguyễn Thị Minh Hiền, KS. Nguyễn Nguyên Oánh, KS. Nguyễn Gia Thắng - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng

Các cơ quan cộng tác :

- Viện Dân tộc – Ủy Ban Dân tộc.
- Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Trung tâm Thông tin – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh: Sơn La, Lào Cai, Bắc Kạn, Cao Bằng.
- Ủy ban Nhân dân các huyện : Hoà An – Cao Bằng, Na Rì - Bắc Kạn, Bắc Hà - Lào Cai , Thuận Châu – Sơn La

MỤC LỤC

<i>Nội dung</i>	<i>Trang</i>
Mở đầu.	6
I. Sự cần thiết phải tiến hành nghiên cứu	6
II. Mục tiêu của đề tài, III. Phạm vi nghiên cứu, IV. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, V. Nội dung nghiên cứu, VI. Phương pháp nghiên cứu.	7
Phần thứ nhất: Một số cơ sở lý luận và quan điểm về CNH, HĐH.	8
I. Một số tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về lý luận và thực tiễn CNH, HĐH.	8
I.1. Một số khái niệm về CNH, HĐH.	8
I.2. Đặc trưng cơ bản của một số mô hình CNH, HĐH.	11
I.3. Một số kinh nghiệm qua tình hình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở một số nước châu Á.	16
II. Tóm tắt quan điểm, đường lối về CNH, HĐH ở Việt Nam.	18
II.1. Quan điểm, đường lối chung về CNH, HĐH.	18
II.2. Những đặc điểm cơ bản về CNH, HĐH ở Việt Nam hiện nay.	20
II.3. Quan điểm, đường lối về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.	22
III. Những quan điểm về đẩy mạnh CNH, HĐH vùng MNPB.	24
IV. Những chủ trương, chính sách lớn về phát triển KT – XH vùng dân tộc và miền núi ở nước ta.	25
Phần thứ hai	
Tổng quan điều kiện tự nhiên và hiện trạng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng MNPB.	27
I. Đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường có ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, nông thôn của vùng.	27
II. Đặc điểm dân tộc và nguồn nhân lực	31
III. Hiện trạng tình hình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng MNPB.	34
III.1. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	34
III.2. Kết quả SX và trình độ CNH, HĐH trong các ngành chủ yếu.	35
III.3. Tình hình CNH, HĐH về cơ sở hạ tầng, văn hoá-xã hội và đời sống nhân dân.	47
III.4. Đánh giá hiện trạng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn MNPB.	53
Phần thứ ba	
Xác định các yêu cầu CNH, HĐH vùng MNPB.	57
I. Những đặc thù của vùng dân tộc và MNPB khi tiến hành CNH, HĐH.	57
I.1. Những lợi thế so sánh của vùng MNPB	57
I.2. Vận hội mới, những thách thức	57
I.3. Những đặc điểm nổi bật về CNH, HĐH ở MNPB hiện nay.	58
II. Các mục tiêu và định hướng phát triển trong quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH của vùng đến năm 2010 đã được phê duyệt.	59
II.1. Mục tiêu quy hoạch chuyển dịch cơ cấu KT theo hướng CNH, HĐH	59
II.2. Khái quát định hướng phát triển các ngành sản xuất chính.	60
II.3. Đánh giá tính hiện thực và khả thi của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế sau 5 năm thực hiện quy hoạch.	62

II.4. Một số đề xuất điều chỉnh quy hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.	63
III. Các yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH.	65
III.1. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, trí thức ở MNPB.	65
III.2. Yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, trong đó có công nhân kỹ thuật, nông dân có kiến thức và kỹ năng ở MNPB.	66
IV. Các yếu tố về phát triển cơ sở hạ tầng MNPB.	69
V. Các yếu tố về khoa học – công nghệ ở MNPB.	72
V.1. Yêu cầu lựa chọn công nghệ đưa vào vùng MNPB.	72
V.2. Yêu cầu ứng dụng các thành tựu khoa học – công nghệ.	74
VI. Yêu cầu phát triển lực lượng SX và xây dựng quan hệ SX phù hợp.	75
VI.1. Phát triển lực lượng SX ở MNPB.	75
VI.2. Xây dựng quan hệ SX phù hợp ở MNPB.	78
VII. Tổng hợp yêu cầu CNH, HĐH vùng MNPB.	81
Phần thứ tư	
Một số giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH vùng MNPB.	
I. Chính sách đầu tư đặc thù cho vùng dân tộc và miền núi.	83
I.1. Một số quan điểm đổi mới về đầu tư phát triển vùng dân tộc và miền núi.	83
I.2. Chính sách tài chính, ngân hàng giải quyết vốn đầu tư.	87
II. Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.	90
II.1. Tổ chức việc đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở MNPB.	90
II.2. Tổ chức việc đào tạo người lao động có kiến thức và kỹ năng.	92
III. Giải pháp về khoa học và công nghệ ở MNPB.	94
III.1. Một số định hướng phát triển KH-CN ở MNPB.	94
III.2. Xác định các kênh chuyển giao KH-CN vào MNPB.	95
III.3. Nâng cao hiệu quả các chương trình ứng dụng KH-CN ở MNPB.	97
IV. Nghiên cứu định hướng thị trường và tổ chức tiêu thụ sản phẩm.	98
IV.1. Một số định hướng thị trường tiêu thụ những sản phẩm chủ yếu của MNPB.	98
IV.2. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho nông dân gắn với chế biến, thương mại ở MNPB.	100
V. Tăng cường năng lực quản lý - điều hành theo hướng CNH, HĐH.	103
V.1. Một số tình hình.	103
V.2. Một số giải pháp ở MNPB.	104
VI. Đề xuất một số dự án ưu tiên ở MNPB.	105
VII. Tổng hợp một số giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH MNPB.	107
Kết luận và đề nghị.	
Tài liệu đã dẫn và tham khảo chính	
Phụ lục	
	110
	112
	115

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BCHTW :	Ban chấp hành Trung ương
BQ :	Bình quân
CNH, HĐH :	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
DN :	Doanh nghiệp
DT:	Diện tích
DVTM:	Dịch vụ -Thương mại
ĐH :	Đại học
ĐT :	Đầu tư
ĐBSH :	Đồng bằng sông Hồng
GDĐT :	Giáo dục và Đào tạo
GDP :	Tổng sản phẩm nội địa
KHCN :	Khoa học và Công nghệ
KHCNMT :	Khoa học, Công nghệ và Môi trường
KHKT :	Khoa học và Kỹ thuật
KTTV :	Khí tượng – Thủy văn
KT-XH :	Kinh tế – Xã hội
MNPB :	Miền núi phía Bắc
NLTS :	Nông – Lâm nghiệp – Thủy sản
NN :	Nông nghiệp
NN-PTNT :	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NS :	Năng suất
NXB :	Nhà xuất bản
SL :	Sản lượng
SX:	Sản xuất
TB :	Trung bình
TP :	Thành phố
UBND :	Ủy ban Nhân dân
VAC :	Vườn-ao-chuồng
VN :	Việt Nam

MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết phải tiến hành nghiên cứu:

Hiện nay, cả nước đang thực hiện “Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI - Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”. (Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX). Công nghiệp hoá, hiện đại hoá miền núi là một bộ phận trong chiến lược đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. “ Phát triển kinh tế-xã hội miền núi là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển nền kinh tế quốc dân... Khai thác và xây dựng miền núi là vì lợi ích trực tiếp của nhân dân miền núi, đồng thời là lợi ích chung của cả nước”. * [3]

Miền núi nước ta chiếm 3/4 lãnh thổ quốc gia, là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái và quan hệ giao lưu kinh tế-văn hoá với các nước láng giềng có chung đường biên giới. Miền núi chứa đựng những tài nguyên rộng lớn về đất, nước, khoáng sản, rừng và sự đa dạng sinh học; Đồng thời là nơi đầu nguồn của các sông lớn, nhiều địa hình dốc cao, hiểm trở, bị chia cắt phức tạp và thường xuyên xảy ra thiên tai mưa lớn, lũ quét... Miền núi là địa bàn chủ yếu của nhiều dân tộc thiểu số, cư trú ở những vùng cao, vùng sâu, vùng xa, đi lại rất khó khăn, nhất là miền núi phía Bắc.

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn xác định rõ vị trí quan trọng của các vùng dân tộc và miền núi, đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên phát triển miền núi, đặc biệt là từ khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới. Những năm qua, tình hình KT-XH miền núi đã có bước chuyển biến rõ rệt và những thành tựu quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá, GDP hàng năm tăng trên 8%, cơ sở hạ tầng, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, giáo dục, y tế có những tiến bộ đáng kể... [25]

Tuy nhiên, miền núi nói chung vẫn là khu vực chậm phát triển nhất trong cả nước, kinh tế mang nặng tính tự túc tự cấp, tỷ lệ đói nghèo cao nhất, phong tục tập quán còn lạc hậu, người dân ít được tiếp cận với những cái mới, mức hưởng thụ văn hoá thấp, sự chênh lệch về khoảng cách phát triển giữa miền núi và các vùng khác trong nước có xu hướng ngày càng tăng. Dân số miền núi hàng năm tăng nhanh (trung bình 2,8%), do tỷ lệ sinh cao và di dân đến, cũng là một nguyên nhân dẫn đến đói nghèo và xuống cấp môi trường sinh thái. Mặt khác, trong tình hình phát triển kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu với quốc tế và khu vực, bản sắc văn hoá các dân tộc miền núi đang có nguy cơ bị mai một.

Hiện nay, miền núi đang cùng cả nước tiếp tục sự nghiệp đổi mới, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, đẩy mạnh CNH, HĐH. Mọi quá trình cách mạng và phát triển ở miền núi đều gắn với vấn đề dân tộc. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX khẳng định: “ Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng”. Nghị quyết 7-BCHTW Đảng khoá IX về Công tác Dân tộc đã đề ra quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp công tác dân tộc trong thời kỳ mới, gắn với

* Bộ Chính trị: Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 27-11-1989 về Một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế-xã hội miền núi.

việc đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngay ở các vùng đồng bằng và đô thị đã là quá trình nhiều khó khăn, thì CNH, HĐH ở miền núi lại càng khó khăn, phức tạp hơn nhiều. Do đó, việc nghiên cứu những giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH vùng miền núi là thực sự cần thiết, góp phần giúp Uỷ ban Dân tộc tư vấn cho Chính phủ thực thi nhiệm vụ quản lý Nhà nước và tham mưu cho Trung ương Đảng về công tác dân tộc. Đây là một công việc lớn, đề tài này mới là một nghiên cứu bước đầu đối với vùng miền núi phía Bắc và tập trung vào vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

II. Mục tiêu của đề tài:

Qua nghiên cứu, đề xuất bước đầu một số giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn vùng dân tộc và miền núi.

III. Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Nghiên cứu với tầm nhìn tổng quan vùng miền núi phía Bắc. Trong đó, có một số nghiên cứu sâu hơn các huyện: Thuận Châu (Sơn La), Bắc Hà (Lào Cai), Hoà An (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Kạn).

- Về nội dung: Trọng tâm là nghiên cứu về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn vùng miền núi phía Bắc.

IV. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

- Về khoa học: Đóng góp bước đầu một số cơ sở lý luận cho việc xây dựng các giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vùng miền núi.

- Về thực tiễn: Đóng góp một tài liệu mới, góp phần giúp Uỷ ban Dân tộc về công tác dân tộc và giúp lãnh đạo các tỉnh miền núi tham khảo, để vận dụng lựa chọn các giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trong điều kiện mỗi tỉnh.

V. Nội dung nghiên cứu:

1. Một số cơ sở lý luận và quan điểm về CNH, HĐH.
2. Tổng quan điều kiện tự nhiên và hiện trạng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng miền núi phía Bắc.
3. Xác định các yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng miền núi phía Bắc.
4. Một số giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng miền núi phía Bắc.

V.I. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp tiếp cận hệ thống.
- Phương pháp kế thừa những tài liệu, tư liệu, công trình nghiên cứu đã thu thập được, vận dụng trong việc xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài và nghiên cứu đề tài.

- Vận dụng kết quả của một số đề tài nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại một số huyện: Thuận Châu – Sơn La, Bắc Hà - Lào Cai, Hoà An – Cao Bằng và Na Rì - Bắc Kạn .

- Phương pháp thống kê, phân tích hệ thống.

- Phương pháp chuyên gia.

*Phần thứ nhất***MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ QUAN ĐIỂM VỀ
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ.****I. MỘT SỐ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ.**

CNH, HĐH là một vấn đề rất lớn về lý luận và thực tiễn. CNH ở các nước Tây Âu bắt đầu từ giữa thế kỷ 18, ở Nhật Bản từ cuối thế kỷ 19, ở Liên Xô trước đây từ sau cách mạng Tháng 10-1917, ở Việt Nam từ năm 1960... Quá trình CNH của các nước Tây Âu phải trải qua một khoảng thời gian là 200 năm, ở Nhật Bản cần 65 năm; các nền kinh tế công nghiệp hoá mới (NIEs) thế hệ thứ nhất (Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapo) cần khoảng 50 năm, đến nay đã cơ bản hoàn thành; các NIE thế hệ thứ hai (Malaixia, Indonexia...) đã trải qua giai đoạn 1 (25-30 năm), đang tiến hành giai đoạn 2 (25-30 năm), để đến năm 2018-2020 hoàn thành.[18]

Trước đây, ở các nước Tây Âu, quá trình CNH diễn ra khá lâu rồi mới đi vào HĐH. Như vậy về mặt lịch sử, CNH diễn ra trước HĐH. Nhưng càng về sau này, ở nhiều nước trên thế giới hai quá trình đó càng thể hiện rõ là: không chỉ nối tiếp, mà còn đan xen và tác động qua lại lẫn nhau. Ngày nay, trước sự phát triển như vũ bão của KHCN trên thế giới, ngay trong quá trình CNH đã bao hàm nội dung của HĐH và phải gắn liền với HĐH.

I.1. Một số khái niệm về CNH, HĐH.

Trong mỗi thời kỳ lịch sử, trong điều kiện của mỗi nước, quá trình CNH, HĐH diễn ra có những mục tiêu, nội dung, phương pháp tiến hành khác nhau. Để xây dựng một khái niệm hoàn chỉnh về CNH, HĐH bao hàm hết nội dung rất phong phú và phức tạp của quá trình CNH, HĐH phù hợp với thời đại ngày nay không phải là việc giản đơn. “Các nhà nghiên cứu lý luận nước ta và nước ngoài, cho đến nay, vẫn chưa nhất trí hoàn toàn với nhau về bất cứ quan niệm nào đã được đưa ra”. Trong bối cảnh hiện nay, quan niệm về CNH, HĐH dù có được nhìn nhận từ góc độ nào cũng không đồng nhất với quá trình phát triển công nghiệp[6B]. Tuy nhiên, hiện nay có thể tổng hợp được một số khái niệm cơ bản chung về CNH, HĐH như sau:

1. CNH, HĐH là quá trình trang bị và trang bị lại công nghệ hiện đại cho tất cả các ngành kinh tế quốc dân, trước hết là các ngành chiếm vị trí trọng yếu. [6B]

Lịch sử CNH trên thế giới cho thấy quá trình CNH gắn liền với các cuộc cách mạng kỹ thuật và công nghệ. Cuộc cách mạng kỹ thuật dẫn đến cách mạng công nghiệp, đầu tiên ở nước Anh, đã tạo ra máy móc cơ khí thay thế cho lao động thủ công, làm thay đổi về chất của tư liệu SX. Từ giữa thế kỷ 20, cuộc cách mạng KHCN hiện đại lại tạo ra bước đột phá mới trong sự phát triển lực lượng SX. Có thể nói CNH, HĐH là quá trình chuyển nền SX xã hội từ trình độ công nghệ thấp lên trình độ công nghệ ngày càng hiện đại. Như vậy CNH ngày